

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 394 /BC-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 26 tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024
VÀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025**

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; là năm đặc biệt quan trọng, quyết định thành công các mục tiêu trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XVII, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2024 trong bối cảnh tình hình kinh tế và chính trị thế giới biến động khó lường; thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Tuy vậy, nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực; trong đó, việc điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cơ bản hoàn thành tiến độ Nghị quyết của HĐND tỉnh, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, cụ thể:

A. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Sau khi có Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý thu và tăng thu ngân sách, chỉ đạo ngành Thuế tập trung tăng cường quản lý thu ngân sách ngay từ tháng đầu, quý đầu để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2024 đã được giao.

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện cả năm đạt 15.879 tỷ đồng, đạt 106% so với dự toán Trung ương giao, đạt 105% so với dự toán địa phương, tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó:

**I. Thu tại địa bàn: **

Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024 HĐND tỉnh giao là 15.083 tỷ đồng; trong đó, thu tại địa bàn là 6.101 tỷ đồng, thu bổ sung ngân sách Trung ương là 8.591 tỷ đồng. Ước năm 2024 đạt 15.879 tỷ đồng, đạt 106% so với dự toán Trung ương giao, đạt 105% so với dự toán địa phương, tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái (đã loại trừ thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang).

1. Thu nội địa

Dự toán giao thu ngân sách tại địa bàn năm 2024 Trung ương và HĐND tỉnh giao là: 5.370 tỷ đồng. Ước năm 2024 đạt 5.380 tỷ đồng, đạt 100,2% dự toán Trung ương và dự toán địa phương giao, tăng 7,9% so với thực hiện năm trước.

So với dự toán năm: Có 11/17 khoản thu đạt dự toán cả năm, là thu từ DNNN địa phương, thu ngoài quốc doanh, thu thuế trước bạ, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền thuê đất, thu thuế thu nhập cá nhân, thu phí lệ phí, thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu khác ngân sách, thu hoa lợi công sản, thu xổ số kiến thiết. Còn lại 6 khoản không hoàn thành dự toán năm.

So cùng kỳ: Có 13/17 khoản có tăng trưởng so với cùng kỳ, là thu từ DNNN TW, thu từ DNĐP, thu từ DN đầu tư nước ngoài, thu ngoài quốc doanh, thu thuế trước bạ, thu tiền sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền thuê đất, thu thuế thu nhập cá nhân, thu phí lệ phí, thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, thu cổ tức lợi nhuận sau thuế, thu tiền sử dụng khu vực biển. Còn lại 4 khoản giảm thu so với cùng kỳ.

Đánh giá kết quả thu ngân sách ở một số lĩnh vực, sắc thuế chủ yếu:

1.1. Thu từ khu vực DNNN trung ương: Ước thực hiện được 171 tỷ đồng, đạt 97,7% dự toán và bằng 108,6% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so cùng kỳ là do phát sinh các khoản thu đột biến như Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin được trụ sở chính phân bổ 11,5 tỷ đồng tiền thuế GTGT về Cục Thuế tỉnh Quảng Bình. Mobifone tỉnh Quảng Bình nộp 5,2 tỷ đồng tiền thuế GTGT do phát sinh doanh thu đột biến từ hợp đồng cung cấp dịch vụ AIRTIME với VNPay giá trị hợp đồng 88 tỷ đồng.

1.2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: Ước thực hiện được 128 tỷ đồng, đạt 142,2% dự toán và bằng 117,2% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so dự toán và cùng kỳ là do năm 2024 Công ty CP Bia Hà Nội - Chi nhánh Quảng Bình được Tổng công ty cấp sản lượng về Quảng Bình cao hơn so với năm 2023.

1.3. Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN: Ước thực hiện được 120 tỷ đồng, đạt 82,8% dự toán và bằng 175,9% so cùng kỳ. Nguyên nhân thu ĐTNN cao so với cùng kỳ là do thu từ dự án nhiệt điện Quảng Trạch năm 2024 cao hơn so với năm 2023 nhưng thấp so với dự toán do dự án chưa đạt tiến độ triển khai theo dự kiến, dẫn đến số thuế phát sinh đạt thấp và không đạt kì vọng. Ngoài ra, số thu của đơn vị xi măng như Công ty TNHH vật liệu XD Việt Nam thấp do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, giá nhiên liệu đầu vào tăng mạnh.

1.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ước thực hiện được 928 tỷ

đồng, đạt 105,2% dự toán và bằng 102,2% so cùng kỳ.

1.5. Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện được 248 tỷ đồng, đạt 110,2% so dự toán và bằng 113,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so với cùng kỳ và dự toán là do trong năm 2024 có chính sách tăng lương cho người lao động.

1.6. Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện được 265 tỷ đồng, bằng 84,1% so dự toán giao và bằng 67% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt thấp so dự toán và cùng kỳ là do trong năm 2024 Công ty CP Nhiên liệu Phúc Lâm - Chi Nhánh Quảng Bình không còn kê khai và nộp phát sinh thuế BVMT tại Cục Thuế tỉnh Quảng Bình như cùng kỳ năm 2023. Năm 2023, Công ty CP Nhiên liệu Phúc Lâm - Chi Nhánh Quảng Bình nộp thuế BVMT là 191 tỷ đồng.

1.7. Thu lệ phí trước bạ: Ước thực hiện được 260 tỷ, đạt 106,1% dự toán và bằng 108,3% so với cùng kỳ.

1.8. Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện được 2.270 tỷ đồng, đạt 87,3% dự toán và bằng 109,8% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán chủ yếu là do thị trường bất động sản trầm lắng, việc tổ chức đấu giá các dự án gặp nhiều khó khăn và không thành công.

1.9. Thu tiền thuê đất: Ước thực hiện được 303 tỷ đồng, đạt 233,1% dự toán trung ương giao và bằng 239,5% so với cùng kỳ.

1.10. Thu phí và lệ phí: Ước thực hiện được 290 tỷ đồng, đạt 123,4% dự toán và bằng 117,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so dự toán và cùng kỳ là do năm 2024 nguồn thu từ phí hạ tầng cửa khẩu tăng mạnh, thêm vào đó, phát sinh các khoản phí đột biến như nguồn thu phí bảo vệ môi trường của các đơn vị thi công đường cao tốc Bắc-Nam, Công ty TNHH xây dựng TH Thạch Ngọc khai bổ sung phí BVMT 1,7 tỷ đồng.

1.11. Các khoản thu và một số sắc thuế khác

- *Thu khác ngân sách:* Ước thực hiện được 216 tỷ đồng, đạt 116,8% so dự toán và bằng 85% so với cùng kỳ. Nguyên nhân thu đạt cao so dự toán là do năm 2024 phát sinh khoản thu đột biến từ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất: 36,4 tỷ đồng, trong đó Cty Địa Ốc Việt Hân nộp 29 tỷ đồng và các công ty khác 7,4 tỷ đồng.

- *Thu thuế SD đất PNN:* Ước thực hiện được 15 tỷ đồng, đạt 125% so dự toán và bằng 102,6% so với cùng kỳ.

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:* Ước thực hiện được 52 tỷ đồng, đạt 140,5% dự toán và bằng 72,1% so cùng kỳ.

- *Thu cấp quyền sử dụng khu vực biển:* Ước thực hiện được 2,7 tỷ đồng, đạt 90% dự toán và bằng 101,8% so cùng kỳ.

- *Thu hoa lợi công sản:* Ước thực hiện được 23 tỷ đồng, đạt 164,3% dự toán và bằng 98,6% so với cùng kỳ.

- *Thu xổ số kiến thiết:* Ước thực hiện được 83 tỷ đồng, đạt 110,7% dự toán

và bằng 106,3% so với cùng kỳ.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã được triển khai tích cực song số nợ thuế vẫn đang còn ở mức cao. Tính đến thời điểm 31/10/2024, toàn ngành đã ban hành 423.786 lượt thông báo đề đơn đốc thu nợ thuế, ban hành 898 quyết định cưỡng chế, tổng số tiền cưỡng chế là 7.696,6 tỷ đồng đề thu hồi nợ đọng thuế, trong đó cưỡng chế bằng biện pháp trích tài khoản 653 trường hợp, cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng 245 trường hợp.

- Ước tính đến ngày 31/12/2024, tổng nợ thuế toàn tỉnh là 2.631 tỷ đồng. Trong đó, tiền sử dụng đất và tiền chậm nộp của các dự án Nhà ở thương mại là 1.653 tỷ đồng.

- Tính đến ngày 31/10/2024, thu nợ 1.120 tỷ đồng, trong đó thu nợ năm trước chuyển sang là 633 tỷ đồng.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến nợ thuế:

- Do gặp khó khăn trong quá trình SXKD, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp dẫn đến nợ thuế như: Công ty CP sản xuất VLXD Cosevco I: 82,9 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Quảng Bình: 38,6 tỷ đồng; Công ty TNHH Việt Hà: 8,8 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc QB: 19,0 tỷ đồng; Công ty CP Khoáng sản Đá Việt: 17,6 tỷ đồng.

- Một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản, khu nghỉ dưỡng chậm triển khai làm phát sinh khoản nợ tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền chậm nộp như: Công ty CP bột đá chất lượng cao Linh Thành: 152,9 tỷ đồng; Công ty Cổ phần COSEVCO 6: 19,3 tỷ đồng; Công ty CP du lịch Sài Gòn QB: 16 tỷ đồng....

- Có đơn vị nợ lớn về thuế bảo vệ môi trường là Công ty TNHH sản xuất-thương mại Hưng Phát: 34,6 tỷ đồng.

- Có các đơn vị phát sinh số nợ lớn về tiền thuê mặt đất thu một lần cho cả thời gian thuê dẫn đến số nợ lớn như: Công ty Cổ phần tập đoàn FLC: 312,8 tỷ đồng, Công ty TNHH Sơn Hải Riverside: 60,5 tỷ đồng, Công ty CP Việt GROUP CENTRAL: 24,5 tỷ đồng, Công ty CP TD đầu tư Trường Sơn : 16 tỷ đồng.

- Đặc biệt có phát sinh số nợ lớn tiền sử dụng đất (bao gồm tiền chậm nộp) của các đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến: 69,5 tỷ đồng, Công ty TNHH XD Minh Tiến 250 tỷ đồng, Công ty TNHH Sơn Hải Riverside 1.223,9 tỷ đồng, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thanh Thiên 51,6 tỷ đồng và Công ty CP Việt Group Central 72,6 tỷ đồng. Trong đó, số nợ tiền sử dụng đất của các đơn vị là: Công ty TNHH Xây dựng Việt Tiến 49,8 tỷ đồng, Công ty TNHH XD Minh Tiến 204,7 tỷ đồng, Công ty TNHH Sơn Hải Riverside 1.027,4 tỷ đồng, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thanh Thiên 33,2 tỷ đồng và Công ty CP Việt Group Central 62,9 tỷ đồng. ✓

Đối với các đơn vị các nợ tiền sử dụng đất lớn, hàng tháng, Cục Thuế đã thực hiện ban hành thông báo đôn đốc thu nợ; Thực hiện các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ thuế (Cưỡng chế trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản, ngừng sử dụng hóa đơn), ban hành thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Đề nghị các ngành có liên quan ngăn chặn chuyển dịch, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Cục Thuế đã làm việc với các đơn vị về việc hoàn thành nghĩa vụ tiền sử dụng đất và đơn vị cũng cam kết kế hoạch nộp NSNN. Tuy nhiên, đơn vị không thực hiện đúng cam kết.

Bên cạnh đó, Cục Thuế thường xuyên trao đổi thông tin với Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thực hiện nghĩa vụ của đơn vị. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản tham mưu UBND tỉnh đề nghị đôn đốc thu nộp. UBND tỉnh đã ban hành các công văn gửi các doanh nghiệp về việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất. Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai, trường hợp doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, UBND tỉnh sẽ thu hồi đất dự án theo đúng quy định của pháp luật (Công văn số 2081/UBND-KT và Công văn số 2082/UBND-KT ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh gửi Công ty CP Việt Group Central và Công ty TNHH Sơn Hải Riserside).

2. Thu thuế xuất nhập khẩu:

Thu thuế xuất nhập khẩu Trung ương và HĐND tỉnh giao chỉ tiêu thu 700 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/10/2024, thu NSNN đạt 1.358 tỷ đồng (*thuế GTGT 1,291,198 tỷ đồng; thuế XK 34,115 tỷ đồng; thuế NK 27,807 tỷ đồng; thuế BVMT: 0,005 tỷ đồng; thu khác 5,672 tỷ đồng*), bằng 194% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, tăng 174% so với cùng kỳ năm 2023.

Dự kiến số thu đến hết ngày 31/12/2024 là: 1.582 tỷ đồng, vượt 126% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao, tăng 137% so với cùng kỳ.

Dự kiến tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa những tháng cuối năm tiếp tục duy trì như 10 tháng đầu năm. Máy móc thiết bị của Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I tiếp tục nhập khẩu tạo nguồn thu chủ yếu tại đơn vị; mặt hàng nước tăng lực vẫn tiếp tục nhập khẩu cửa khẩu Cha Lo, dự kiến số thu đối với 02 mặt hàng này 2 tháng cuối năm đạt 210 tỷ đồng (trong đó hàng hóa là Máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của các Dự án: 138 tỷ đồng, nước tăng lực nhập khẩu: 72 tỷ đồng). Nhóm mặt hàng XNK thường xuyên qua địa bàn trong 02 tháng cuối năm cơ bản tiếp tục duy trì số thu, bên cạnh một số mặt hàng có chiều hướng giảm như dăm gỗ xuất khẩu, quặng sắt, đường nhập khẩu (do ảnh hưởng thời tiết, không có kế hoạch nhập khẩu), ước thu 13 tỷ đồng.

Trong năm, hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng có thuế thường xuyên qua Quảng Bình cơ bản ổn định, một số mặt hàng kim ngạch tăng (đường, thạch cao, tinh bột sắn, bột zircon); trong khi một số mặt hàng có xu hướng giảm (dăm gỗ, tinh quặng, gỗ các loại, quặng sắt) hoặc không phát sinh (đá vôi, clinke do thuế xuất khẩu tăng). Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình triển khai Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I đẩy nhanh tiến độ nhập khẩu máy móc

thiết bị đã tạo nguồn thu đột phá cho năm 2024 (chiếm 48% tổng thu). Mặt khác, do tuyến đường qua cửa khẩu Cầu Treo bị hư hỏng nên mặt hàng nước tăng lực thường xuyên nhập khẩu qua cửa khẩu Cầu Treo chuyển về cửa khẩu Cha Lo (chiếm 41% tổng thu), đã góp phần tăng thu ngân sách lớn cho đơn vị.

II. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:

Trong năm, Bộ Tài chính đã bổ sung kinh phí kịp thời theo dự toán, cũng như các khoản ngoài dự toán, các khoản chế độ tăng thêm và các chính sách về an sinh xã hội theo chế độ quy định.

III. Về thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố:

Dự toán giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố là 3.429 tỷ đồng; thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện đến 31/12/2024 đạt 3.210 tỷ đồng, bằng 94% tỉnh giao, trong đó: Huyện Minh Hóa: 131%; Tuyên Hóa: 129%; Quảng Trạch 121%; thị xã Ba Đồn: 124%; huyện Bố Trạch: 103%; thành phố Đồng Hới: 84%; huyện Quảng Ninh: 69% và huyện Lệ Thủy: 100%.

Thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố có 6/8 địa phương đạt và vượt dự toán, có 02 địa phương chưa đạt dự toán là thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Ninh.

B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Trong bối cảnh thu ngân sách nhà nước khó khăn trong khi nhu cầu chi ngân sách vẫn phải đảm bảo nên ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các ngành, các cấp về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành; sử dụng ngân sách hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi, cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

Công tác thanh tra tài chính được tăng cường thực hiện góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, cá nhân và doanh nghiệp; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính. Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý ngân sách, tài sản nhà nước, mua sắm tài sản công...

Dự toán chi NSNN năm 2024, HĐND tỉnh quyết định là 14.049 tỷ đồng; dự toán chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán được giao. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2024 đạt dự toán giao.

I. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 13.404 tỷ đồng, đạt 96% dự toán giao. Trong đó: 

1. Chi đầu tư phát triển:

Ước đạt 2.808 tỷ đồng, bằng 85% dự toán Trung ương giao, bằng 91% dự toán địa phương giao (bao gồm thanh toán kế hoạch vốn kéo dài năm 2023 chuyển sang và nguồn bổ sung từ nguồn vượt thu, dự phòng ngân sách các cấp, nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia).

Năm 2024 tiếp tục xác định việc đẩy mạnh công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, địa phương nhằm tạo việc làm, kích cầu thị trường, tăng thu ngân sách... góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt xác định đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để thúc đẩy quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để đạt kế hoạch giao nhưng tình hình giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng 11 năm 2024 đạt 57% so với kế hoạch giao. Cụ thể như sau:

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 631.073 triệu đồng, đạt 55% KHV; bao gồm:

Vốn của các dự án do bộ, ngành cơ quan trung ương quản lý là 1.766 triệu đồng, đạt 3,5% kế hoạch vốn (KHV: 50.000 triệu đồng);

Vốn của các dự án do địa phương quản lý là 629.306 triệu đồng, đạt 57% kế hoạch vốn (KHV: 1.097.873 triệu đồng).

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm 2024 là: 4.354.708 triệu đồng, đạt 58% tổng kế hoạch giao; bao gồm:

Vốn của các dự án do bộ, ngành cơ quan trung ương quản lý là 1.515.661 triệu đồng, đạt 88% kế hoạch vốn (KHV: 1.731.660 triệu đồng);

Vốn của các dự án do địa phương quản lý là 2.839.047 triệu đồng, đạt 48,93% tổng số kế hoạch vốn (KHV: 5.801.834 triệu đồng) và đạt 57,5% KHV Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương (2.839.047 triệu đồng/4.941.228 triệu đồng). Chi tiết theo cấp ngân sách như sau:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ là 947.141 triệu đồng, đạt 57% kế hoạch vốn (KHV: 1.664.403 triệu đồng);

- Vốn ngân sách cấp tỉnh giải ngân là 732.218 triệu đồng, đạt 39% kế hoạch vốn (KHV: 1.882.389 triệu đồng);

- Vốn ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố giải ngân là 811.371 triệu đồng, đạt 61% kế hoạch vốn (KHV: 1.324.686 triệu đồng);

- Vốn ngân sách cấp xã, phường, thị trấn là 348.317 triệu đồng, đạt 37% kế hoạch vốn (KHV: 930.356 triệu đồng).

Các địa bàn cấp huyện có tỷ lệ giải ngân thấp hơn tỷ lệ giải ngân bình quân chung của tỉnh là thành phố Đồng Hới (38%), các huyện Tuyên Hoá (41,7%), Bố Trạch (45,9%), Quảng Ninh (44,1%).

Ước thực hiện đến 31/12/2024 giải ngân là 6.514.883 triệu đồng, đạt 75% kế hoạch vốn; trong đó: vốn của các dự án do bộ, ngành, cơ quan trung ương quản lý là 1.669.171 triệu đồng, đạt 94% KHV; vốn của các dự án do địa phương quản lý là 4.845.712 triệu đồng, đạt 70% KHV.

2. Chi thường xuyên:

Ước đạt 8.647 tỷ đồng, đạt 117% dự toán địa phương giao. Năm 2024, điều hành chi ngân sách cơ bản theo tiến độ dự toán; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

3. Chi trả nợ do chính quyền địa phương vay

Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương và nguồn tài chính của địa phương đã thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương theo quy định. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nợ của chính quyền địa phương từ khâu đề xuất các khoản vay, thực hiện vay, quản lý và sử dụng khoản vay chấp hành theo các quy định của Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương; Nghị định 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 97/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Theo số dự toán năm 2024, trần nợ vay NSDP năm 2024 của tỉnh Quảng Bình là 950 tỷ đồng.

- Số dư các khoản vay nợ đến 31/12/2023 là 639 tỷ đồng.
- Số thực hiện trả nợ theo cam kết: 102 tỷ đồng
- Dự kiến giải ngân kế hoạch vay: 252 tỷ đồng (đã bao gồm kế hoạch vay bổ sung theo Nghị quyết 159/2024/QH15)
- Dự kiến dư nợ đến 31/12/2024 là 790 tỷ đồng, số dư nợ ở mức an toàn, dưới trần nợ công.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính

Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính hàng năm 1 tỷ đồng, theo dự toán Chính phủ giao. Số dư Quỹ đến nay là 92,3 tỷ đồng. ✓

5. Chi dự phòng ngân sách

Nguồn dự phòng thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 giao đầu năm là 307.927 triệu đồng. Trong đó, dự phòng ngân sách cấp tỉnh 171.233 triệu đồng, dự phòng ngân sách huyện 136.694 triệu đồng. Trong 11 tháng, ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng 49,7 tỷ đồng bao gồm chi hỗ trợ chi hỗ trợ thiệt hại do bệnh dịch tả lợn châu phi, hỗ trợ các địa phương phục vụ diễn tập phòng thủ và các nhiệm vụ cần thiết khác chưa được bố trí dự toán đầu năm.

6. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo Thông tư 65/2021/TT-BTC

Trong năm 2024, thực hiện quy định của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, UBND tỉnh đã tham mưu HĐND tỉnh bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên 107 tỷ đồng để các cơ quan, đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa tài công. Trong đó, từ nguồn SNGD&ĐT 57 tỷ đồng, nguồn SN kinh tế 50 tỷ đồng.

Việc lập, phân bổ dự toán đã đảm bảo quy trình, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng nhiệm vụ được giao, thực hiện phê duyệt, đấu thầu bảo đảm theo quy định. Về cơ bản, việc bố trí kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa đã bám sát với nhu cầu thực tiễn của cơ quan, đơn vị và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

II. Chi vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Về nguồn vốn thực hiện và tỷ lệ giải ngân nguồn vốn

Tổng nguồn vốn giao thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024: 755,182 tỷ đồng. Tổng kinh phí giải ngân đến 30/11/2024: 540,676 tỷ đồng. Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2024: 72%. Trong đó vốn đầu tư phát triển thực hiện đạt 99%, vốn sự nghiệp thực hiện đạt 36%.

Tổng kinh phí giải ngân ước đến 31/12/2024: 677,6 tỷ đồng. Tỷ lệ giải ngân ước thực hiện đến 31/12/2024: 90%. Trong đó vốn đầu tư phát triển ước thực hiện 100%, vốn sự nghiệp ước thực hiện 77%, trong đó cụ thể từng chương trình như sau:

1.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

ĐVT: tỷ đồng

Nguồn vốn	Dự toán giao	Giải ngân đến 30/11/2024	Tỷ lệ	Ước giải ngân đến 31/12/2024	Tỷ lệ
Vốn đầu tư phát triển	20,569	19,688	96%	20,569	100%
Vốn sự nghiệp	73,492	26,495	36%	62,468	85%
Cộng	94,061	46,183	49%	83,037	88%

1.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

ĐVT: tỷ đồng

Nguồn vốn	Dự toán giao	Giải ngân đến 30/11/2024	Tỷ lệ	Ước giải ngân đến 31/12/2024	Tỷ lệ
Vốn đầu tư phát triển	240,482	238,430	99%	240,482	100%
Vốn sự nghiệp	190,178	65,193	34%	123,62	65%
Cộng	430,660	303,626	71%	364,1	85%

1.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

ĐVT: tỷ đồng

Nguồn vốn	Dự toán giao	Giải ngân đến 30/11/2024	Tỷ lệ	Ước giải ngân đến 31/12/2024	Tỷ lệ
Vốn đầu tư phát triển	163,305	162,21	99%	163,305	100%
Vốn sự nghiệp	67,156	28,653	43%	63,721	95%
Cộng	230,461	190,867	83%	227,026	99%

2. Đánh giá tình hình thực hiện nguồn vốn các Chương trình

Tiến độ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG đạt thấp. Những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân đó là:

- Do báo cáo nghiên cứu khả thi các chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương được tổng hợp, báo cáo trên nền số liệu từ năm 2019, 2020. Vì vậy, khi thực hiện chương trình số đối tượng thụ hưởng chính sách đã giảm, dẫn đến nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung về cao hơn so với nhu cầu nên một số dự án giảm đối tượng hoặc không có đối tượng để thụ hưởng chính sách kéo theo tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp đạt thấp;

- Ở cơ sở, vẫn còn tâm lý sợ sai, chưa quyết liệt trong thực hiện và giải ngân nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là trong triển khai giải ngân nguồn vốn chi thường xuyên; chậm tổ chức triển khai thực hiện (chậm phân bổ kế hoạch vốn, giao dự toán; chậm lập, phê duyệt dự án đầu tư, đối tượng hỗ trợ).

- Một số địa phương còn lúng túng khi áp dụng các quy định của Luật Đấu thầu các gói mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phải thực hiện đấu thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia nên mất nhiều thời gian hơn; các dự án mô hình đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất do có nhiều quy định trong văn bản hướng dẫn của cấp trung ương được điều chỉnh, bổ sung mới, địa phương lúng túng trong thực hiện....

- Sau khi thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội (Nghị quyết 111) về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, công tác giải ngân vốn đầu tư công cũng như nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình được cải thiện đáng kể, tuy nhiên tỷ lệ giải ngân

nguồn vốn sự nghiệp vẫn đạt thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân là qua triển khai thực hiện Nghị quyết 111/2024/QH15 đã phát sinh một số vướng mắc như: Việc điều chỉnh dự toán NSNN, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSNN hằng năm có thể dẫn đến thay đổi mục tiêu cụ thể của từng Chương trình MTQG đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh kế hoạch trung hạn sẽ mất khá nhiều thời gian... Vì vậy phải chờ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và căn cứ nhu cầu của các đơn vị, địa phương mới thực hiện điều chỉnh dự toán 2024 (bao gồm dự toán chi thường xuyên năm 2023 đã được chuyển sang năm 2024) vào tháng 10/2024. Hiện nay các đơn vị, địa phương đang khẩn trương thực hiện, một số dự án theo quy định đến 31/12/2024 mới nghiệm thu.

III. Cân đối thu - chi ngân sách năm 2024:

Cân đối ngân sách địa phương năm 2024 được đảm bảo, các khoản vay nợ đến hạn được trả kịp thời. Điều hành chi ngân sách cơ bản theo dự toán, đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cấp các ngành và các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện phòng chống dịch bệnh, hạn hán và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

PHẦN THỨ HAI

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2026-2030, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh; căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được Chính phủ và Bộ Tài chính giao, UBND tỉnh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh năm 2025, cụ thể như sau:

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

1. Thu ngân sách năm 2025

Dự toán thu Ngân sách năm 2025 được xây dựng tích cực, khả thi với tình thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2025 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước

thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), cụ thể:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 dự kiến: 6.937 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa: 5.487 tỷ đồng, tăng 8,5% so với dự toán Trung ương giao, tăng 2% so với ước thực hiện năm 2024. Thu thuế xuất nhập khẩu dự kiến: 1.450 tỷ đồng, bằng 91,7% so với ước thực hiện năm 2024 do dự kiến hoàn thành nhập khẩu thiết bị Dự án nhà máy nhiệt điện.

1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nội địa năm 2025

- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn: GRDP dự kiến tăng trưởng: 7,0-7,5%;

- Năng lực sản xuất mới và dự án đầu tư: Năm 2025, dự án nhiệt điện Quảng Trạch dự kiến sẽ tiếp tục triển khai.

- Tác động của từng cơ chế, chính sách dự kiến sẽ ban hành: Cơ bản ổn định như năm 2024, một số chính sách phí lệ phí ảnh hưởng không đáng kể.

- Những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý thu thuế sẽ ảnh hưởng đến dự toán thu nội địa năm 2025:

Thuận lợi: Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp; Sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ngành trên địa bàn và nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn.

Khó khăn: Dự báo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh nhà năm 2025 mặc dù có tăng trưởng nhưng còn chậm, vẫn còn nhiều khó khăn thách thức; Chính phủ vẫn thắt chặt đầu tư công, ...

1.2. Dự toán thu nội địa năm 2025

1.2.1. Thu từ khu vực DNNN trung ương: Dự kiến thu là 170 tỷ đồng, bằng 99,4% so ước thực hiện năm 2024.

1.2.2. Thu từ khu vực DNNN địa phương: Dự kiến thu là 112 tỷ đồng, bằng 87,5% so ước thực hiện năm 2024.

1.2.3. Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN: Dự kiến thu là 130 tỷ đồng, bằng 108,3 so ước thực hiện năm 2024.

1.2.4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự kiến thu là 920 tỷ đồng, bằng 99,1% so ước thực hiện năm 2024.

1.2.5. Thu thuế thu nhập cá nhân: Dự kiến thu là 240 tỷ đồng, bằng 96,8% so ước thực hiện năm 2024.

1.2.6. Thu thuế bảo vệ môi trường: Dự kiến thu là 465 tỷ đồng, bằng 175,5% so ước thực hiện năm 2024.

1.2.7. Lệ phí trước bạ: Dự kiến thu là 245 tỷ đồng, bằng 94,2% so ước thực hiện năm 2024. 

1.2.8. Thu Phí, lệ phí: Dự kiến thu là 255 tỷ đồng, bằng 87,9% so ước thực hiện năm 2024

1.2.9. Các khoản thu và một số sắc thuế khác

- *Thu tiền sử dụng đất:* Dự kiến thu là 2.480 tỷ đồng, bằng 109,3% so với ước thực hiện năm 2024.

- *Thu tiền thuê đất:* Dự kiến thu là 130 tỷ đồng, bằng 42,9% so với ước thực hiện năm 2024.

- *Thu thuế SD đất PNN:* Dự kiến thu là 15 tỷ đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2024;

- *Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:* Dự kiến thu 37,4 tỷ đồng, bằng 71,9% so với ước thực hiện năm 2024.

- *Thu khác ngân sách:* Dự kiến thu là 185 tỷ đồng, bằng 85,6% so với ước thực hiện năm 2024..

- *Thu hoa lợi công sản:* Dự kiến thu là 14 tỷ đồng, bằng 60,9% so với ước thực hiện năm 2024. Dự kiến số thu này sẽ giảm dần qua các năm do quỹ đất công ích 5% ở các xã dần thu hẹp.

- *Thu xổ số kiến thiết:* Dự kiến thu là 82 tỷ đồng, bằng 98,8% so với ước thực hiện năm 2024.

1.3. Dự toán thu xuất nhập khẩu năm 2025

Trên cơ sở tình hình dự toán thu NSNN trong 10 tháng đầu năm và dự kiến số thu cả năm 2024, phân tích số liệu thống kê, nhận định cơ cấu mặt hàng, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh nhà; năm 2025 dự kiến số thu xuất nhập khẩu đạt 1.450 tỷ đồng.

2. Chi ngân sách nhà nước năm 2025

Dự toán chi NSNN năm 2025 bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được HĐND tỉnh thông qua; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

Dự toán chi cân đối ngân sách năm 2025 là 16.200 tỷ đồng. Trong đó, chi đầu tư XD CB là 3.146 tỷ đồng, bằng 102,1% dự toán 2024; dự toán chi thường xuyên là 10.877 tỷ đồng, bằng 125,8% so với dự toán 2024 chủ yếu do tăng tiền lương và trợ cấp xã hội theo mức chuẩn mới.

(Số liệu chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Nhiệm vụ thu ngân sách năm 2025 hết sức nặng nề, trong khi đó nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội ngày càng nhiều. Theo dự báo thì kinh tế nước ta nói chung và tỉnh nhà nói riêng trong năm tới vẫn còn gặp khó khăn. Để đảm bảo đạt hoàn thành dự toán, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành để cùng hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra. Do đó cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.

Các sở, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Hải quan nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ, phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.

- Cơ quan Thuế, Tài chính các cấp: Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế nhằm thu dứt điểm nợ thuế có khả năng thu năm 2024 chuyển sang, hạn chế nợ mới phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời UBND các cấp để chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn phối với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

- Tình hình nợ đọng thuế của các doanh nghiệp đang ở mức khá cao và tập trung ở một số doanh nghiệp. Các ngành, các cấp như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, các Ngân hàng thương mại và các ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế để tăng cường công tác chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Tiến hành kiểm tra rà soát các dự án, các hợp đồng thuê đất nhưng không đưa vào sử dụng và còn nợ tiền thuê đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tiếp tục thực hiện các đề án, kế hoạch về công tác chống thất thu trong các lĩnh vực: xăng dầu, khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của NSNN, nhất là các doanh nghiệp, lĩnh vực có

nguy cơ không đạt dự toán thu. Thường xuyên rà soát tài khoản tạm thu, tạm giữ để chuyển nộp NSNN đúng quy định; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế mới đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính thuế, hải quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Cần tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án nhà ở thương mại, các dự án phát triển quỹ đất; đẩy nhanh tiến độ trong việc xác định giá đất cụ thể, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất, nhất là đối với các khu đất đấu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lời đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ để xác định giá khởi điểm.

3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

Thực hiện Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Các sở, ngành, địa phương điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn đầu tư từ NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ; thực hiện nghiêm quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn hướng dẫn, xử lý nợ đọng XDCB; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN trong trường hợp thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán; giảm tối đa và công khai các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm. 

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

4. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả.

Các ngành, địa phương cần tăng cường phối hợp chặt chẽ, chủ động phòng chống, phát hiện và xử lý nghiêm nạn buôn lậu, gian lận thương mại và sản xuất kinh doanh hàng giả. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá. Công khai thông tin về giá, điều hành giá để tạo sự đồng thuận trong xã hội.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

Các sở, ngành, địa phương tổ chức sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy hoạch, đề án đã phê duyệt; giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác cổ phần hóa một số đơn vị sự nghiệp công theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt. Tạo cơ chế nhằm đa dạng hóa các loại hình liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp ngoài công lập nhằm nâng cao số lượng và chất lượng cung ứng dịch vụ công.

6. Đẩy mạnh việc thoái vốn nhà nước trong các DNNN đã cổ phần hoá theo đề án, kế hoạch đã phê duyệt.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá thuộc diện Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần, vốn góp theo đề án kế hoạch đã phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai theo đúng lộ trình đã được phê duyệt. Tăng cường chức năng quản lý, giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý tài chính nhà nước và của chủ sở hữu nhà nước. Thực hiện công khai minh bạch kết quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

7. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các sở, cơ quan đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, đảm bảo các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định không ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, đề án có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không hoặc chưa cân đối được nguồn. Tập trung chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình, dự án hoàn thành.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh, kiểm tra, kiểm toán đối với những trường hợp vi phạm, gây lãng phí tiền, tài sản nhà nước, tài nguyên thiên nhiên. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định, nhất là các khoản chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền.

PHẦN III **LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH** **NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027**

A. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2021-2024

I. Về thu ngân sách

Triển khai nhiệm vụ giai đoạn đầu của nhiệm kỳ 2021-2025 trong bối cảnh tình hình dịch bệnh đặc biệt là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo tích cực và quyết liệt các ngành, các cấp với nhiều giải pháp đồng bộ, tích cực; tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu, cơ quan tài chính và các lực lượng chức năng trong quản lý thu NSNN nên thu ngân sách các năm 2021-2022 cơ bản đạt và vượt dự toán giao trong điều kiện còn có nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, công tác quản lý thu NSNN ở một số địa bàn, lĩnh vực chưa quyết liệt, nợ đọng thuế còn lớn, một số khoản thu chưa hoàn thành kế hoạch.

Các năm 2021, 2022 thu ngân sách đạt kết quả cao. Năm 2021, thu NSNN trên toàn địa bàn đạt 7.136 triệu đồng, tăng 19,7% so với năm 2020; năm 2022 đạt 8.353 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2021, tăng 40% so với năm 2020; năm 2023 đạt 5.669 triệu đồng, giảm 32% so với năm 2022, giảm 4,9% so với năm 2020. Năm 2023, thu cân đối NSDP toàn tỉnh hụt thu 605.169 triệu đồng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao và hụt 783.721 triệu đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao. Trong đó, ngân sách cấp tỉnh hụt thu 585.824 triệu đồng, ngân sách cấp huyện, xã hụt thu 197.897 triệu đồng.

Năm 2024, năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự toán thu Ngân sách năm 2024 được xây dựng tích cực, khả thi với tinh thần phấn đấu, nỗ lực cao nhất, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu. Mặc dù năm 2024 tình hình sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, sức ép lạm phát, tỷ giá và lãi suất gia tăng nhưng thu ngân sách tỉnh ước đạt tiến độ giao.

II. Về chi ngân sách

1. Chi đầu tư

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 triển khai trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn, thách thức như: vị trí địa lý ở xa các trung tâm chính trị, kinh tế lớn của cả nước; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp; tích lũy nội bộ của nền kinh tế còn hạn chế. Bên cạnh đó, Quảng Bình chịu ảnh hưởng các đợt mưa lũ, bão lớn liên tiếp xảy ra, đại dịch Covid-19... đã ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, tỉnh Quảng Bình đã tập trung nguồn lực và huy động các nguồn vốn khác ngoài ngân sách để đầu tư kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ từng bước hiện đại đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, đã tạo động lực thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác cho phát triển kinh tế xã hội.

Giai đoạn 2021-2024: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Bình giao vốn đầu tư công hàng năm sớm (trước 31/12 năm trước năm kế hoạch. Trong quá trình triển khai, kịp thời điều chỉnh, xử lý những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh, rà soát, điều chỉnh dự án đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm để phát huy hiệu quả nguồn vốn. Các trường hợp vượt thẩm quyền, tỉnh luôn kịp thời báo cáo Bộ, ngành Trung ương để sớm được giải quyết.

Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng và giải ngân vốn đầu tư của các dự án. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo nguyên tắc hậu kiểm, bảo đảm tính tuân thủ các quy định và hiệu quả đầu tư công; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, giám sát đánh giá đầu tư.

Đối với vốn ngân sách tỉnh: Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là: 13.947,432 tỷ đồng. Đã bố trí đến hết năm 2024 (2021-2024): 10.896,846 tỷ đồng (đạt 78,13% trung hạn).

Đối với vốn ngân sách Trung ương: nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025: 7.935.780 triệu đồng, trong đó NSTW trong nước 6.081.997 triệu đồng, ODA 1.853.783 triệu đồng. Đã bố trí vốn đến hết năm 2024: 6.116.226 triệu đồng (đạt 77,07%), trong đó: nguồn vốn NSTW trong nước 4.998.485 triệu đồng (đạt 82,2%), ODA 1.117.741 triệu đồng (đạt 60,3%)

Đối với Chương trình MTQG: Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: 1.489.689 triệu đồng, trong đó: CTMT Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi: 801.885 triệu đồng; CTMT Quốc gia giảm nghèo bền vững: 69.754 triệu đồng; CTMT Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 618.050 triệu đồng.

Đã bố trí vốn đến hết năm 2024: 1.097.228 triệu đồng (đạt 73,7%), trong đó: trong đó CTMT Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi: 578.549 triệu đồng (đạt 72,1%); CTMT Quốc gia giảm nghèo bền vững: 55.384 triệu đồng (đạt 79,4%); CTMT Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 463.295 triệu đồng (đạt 75%).

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên ngân sách thực hiện tốt theo định hướng của Chính phủ và UBND tỉnh, trong đó tập trung cho con người, an sinh xã hội, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, chủ động dành nguồn cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, đặc biệt kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, quan trọng khác của tỉnh.

Thời gian từ năm 2021-2024, mặc dù triển khai nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn, UBND tỉnh đã chỉ đạo các giải pháp điều hành thu chi ngân sách linh hoạt, đảm bảo cân đối trong điều kiện huy động thu ngân sách.

B. Xây dựng Kế hoạch tài chính 03 năm 2025-2027

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 05 năm 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân thông qua; tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh năm 2024; những cơ chế, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành dự kiến thực hiện trong thời gian 03 năm để đảm bảo hoạt động tài chính - ngân sách nhà nước.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2025, UBND tỉnh Quảng Bình lập dự kiến kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2025-2027 báo cáo Bộ Tài chính, trong đó dự toán thu nội địa tăng từ 5-7%, riêng thu tiền sử dụng đất dự kiến không tăng do quỹ đất không còn nhiều và thị trường chưa sôi động trở lại.

I. Xây dựng dự toán thu NSNN 03 năm 2025-2027

Dự kiến thu nội địa 03 năm là 15.624,4 tỷ đồng. Giai đoạn 2025-2027 là giai đoạn bắt đầu nhiệm kỳ 2025-2030; tỉnh Quảng Bình sẽ có những giải pháp thực hiện đột phá và huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, tiếp tục đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng tạo điều kiện phát triển thương mại du lịch. Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch sẽ đi vào hoạt động, lợi thế quảng đường và chi phí vận chuyển. Dự ước xuất nhập khẩu năm 2026 sẽ thu được 590 tỷ đồng, năm 2027 thu được 500 tỷ đồng.

II. Xây dựng dự toán chi NSNN 03 năm 2025-2027

Dự toán chi NSNN 03 năm 2025-2027 cơ bản giữ nguyên ổn định như

năm 2025 do chưa có tiêu chí định mức phân bổ cho thời kỳ ổn định ngân sách mới. Theo đó chỉ đầu tư cơ bản tăng theo tốc độ tăng thu, riêng chỉ đầu tư từ nguồn vay lại, sang năm 2026-2027 hiện tại chưa có hiệp định mới, các dự án sẽ hết hạn trong năm 2025. Dự toán chi thường xuyên cơ bản giữ nguyên ổn định như dự toán 2025, xây dựng dự toán theo mức lương tối thiểu 2,34 và các chính sách an sinh theo quy định.

(Số liệu chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2024, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- Cục Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu VT, TH. ✓

**TM. UBND TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 394 /BC-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện 2023	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTĐP	TH 2023
	PHẦN THU							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	21.263.350	14.903.229	15.083.210	15.879.817	106,55	105,28	117,11
	NSĐP được hưởng	20.287.011	13.952.409	14.049.090	14.061.517	100,78	100,09	111,74
I	Thu tại địa bàn (1+2)	5.669.559	6.070.000	6.101.960	6.962.000	114,70	114,09	122,80
1	Thu cân đối ngân sách	4.986.129	5.370.000	5.370.000	5.380.000	100,19	100,19	107,90
1.1	Thu DNNN TW	157.453	175.000	175.000	171.000	97,71	97,71	108,60
1.2	Thu DNNN ĐP	109.200	90.000	90.000	128.000	142,22	142,22	117,22
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	68.059	145.000	145.000	120.000	82,76	82,76	176,32
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	908.557	882.000	882.000	928.000	105,22	105,22	102,14
1.5	Thu thuế trước bạ	240.046	245.000	245.000	260.000	106,12	106,12	108,31
1.6	Thuế SD đất phi NN	14.622	12.000	12.000	15.000	125,00	125,00	102,58
1.7	Thu tiền thuê đất	126.533	130.000	130.000	303.000	233,08	233,08	239,46
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	218.276	225.000	225.000	248.000	110,22	110,22	113,62
1.9	Thu phí, lệ phí	247.206	235.000	235.000	290.000	123,40	123,40	117,31
	Trong đó: - Trung ương	36.199	35.300	35.300	28.000	79,32	79,32	77,35
	- Địa phương	211.007	199.700	199.700	262.000	131,20	131,20	
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.066.543	2.600.000	2.600.000	2.270.000	87,31	87,31	109,85
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	395.325	315.000	315.000	265.000	84,13	84,13	67,03
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	157.558	126.000	126.000	106.000	84,13	84,13	
	- Thu từ hàng hóa SX trong nước	237.767	189.000	189.000	159.000	84,13	84,13	
1.12	Thu khác ngân sách	253.990	185.000	185.000	216.000	116,76	116,76	85,04
	Trong đó: - Trung ương	99.981	77.000	77.000	85.600	111,17	111,17	
	- Địa phương	154.010	108.000	108.000	130.400	120,74	120,74	
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	72.143	37.000	37.000	52.000	140,54	140,54	72,08
	Trong đó: - Trung ương	22.786	13.600	13.600	20.000	147,06	147,06	
	- Địa phương	49.356	23.400	23.400	32.000	136,75	136,75	
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	23.321	14.000	14.000	23.000	164,29	164,29	98,62
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	78.084	75.000	75.000	83.000	110,67	110,67	106,30
1.16	Tiền sử dụng khu vực biển	2.653	3.000	3.000	2.700			
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	4.118	2.000	2.000	5.300	265,00	265,00	128,71
2	Thu từ XNK	666.651	700.000	700.000	1.582.000	226,00	226,00	237,31
3	Thu viện trợ	16.779		31.960				
II	Vay lại Chính phủ	111.567	241.900	241.900	178.467	73,78	73,78	159,96
III	Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	7.703.256		148.021	148.021			
IV	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.778.968	8.591.329	8.591.329	8.591.329	100,00	100,00	110,44
1	Bổ sung cân đối	4.769.303	4.864.703	4.864.703	4.864.703	100,00	100,00	102,00
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	3.009.665	2.946.675	2.946.675	2.946.675			
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương		779.951	779.951	779.951	100,00	100,00	25,91
	PHẦN CHI							
	TỔNG CHI NSĐP (A+B)	15.241.705	13.952.409	14.049.090	13.404.583	96,07	95,41	87,95
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)	15.241.705	10.887.034	12.037.786	13.253.923	121,74	110,10	86,96
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)	7.331.600	3.276.825	3.081.043	4.297.181	131,14	139,47	58,61
1	Chi xây dựng cơ bản	7.322.170	3.276.825	3.081.043	2.808.665	85,71	91,16	38,36
1.1	Vốn tập trung trong nước		443.225	443.225	398.903	90,00	90,00	
1.2	Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất		2.600.000	2.382.210	2.143.989	82,46	90,00	
1.3	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp			22.008	19.807			
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết		75.000	75.000	67.500	90,00	90,00	
1.5	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ		158.600	158.600	178.467			
2	Chi đầu tư phát triển khác	9.430						0,00
II	Chi thường xuyên	7.841.560	7.393.932	8.647.816	8.647.816	116,96	100,00	110,28
1	Chi SN kinh tế	1.096.153	0	1.392.835	1.392.835		100,00	

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	So sánh với		
			Trung ương	Địa phương		DTTW	DTDP	TH 2023
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.136.009	3.695.456	3.695.456	3.695.456		100,00	117,84
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	689.842	0	624.838	624.838		100,00	90,58
4	Chi SN Văn hóa-TTDL	136.846	0	87.293	87.293		100,00	63,79
5	Chi SN khoa học và công nghệ	30.037	25.909	31.856	31.856		100,00	106,06
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình	37.543	0	41.569	41.569		100,00	110,72
7	Chi đảm bảo xã hội	479.831	0	580.244	580.244		100,00	120,93
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể	1.692.385	0	1.629.023	1.629.023		100,00	96,26
9	Chi ANQP địa phương	352.625	0	248.921	248.921		100,00	70,59
10	Chi khác ngân sách	49.782	0	52.636	52.636		100,00	105,73
11	Chi hoạt động môi trường	140.506	0	163.144	163.144		100,00	116,11
12	Dự phòng hụt thu cân đối		0	100.000	100.000		100,00	
III	Chi dự phòng ngân sách		215.277	307.927	307.927	143,04	100,00	
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00	100,00
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ			31.960	31.960		100,00	
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	67.545	118.700	118.700	118.700		100,00	
D	Chi vốn chương trình mục tiêu		2.946.675	1.860.644	1.488.515	50,52	80,00	

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTDP 2024	UTH 2024	DTTW 2025
A	PHẦN THU								
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	14.903.229	15.083.210	15.879.817	17.077.145	17.954.845	119,0%	113,1%	105,1%
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>13.952.409</i>	<i>14.049.090</i>	<i>14.061.517</i>	<i>15.335.586</i>	<i>16.200.395</i>	<i>115,3%</i>	<i>115,2%</i>	<i>105,6%</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	6.070.000	6.101.960	6.962.000	6.505.000	6.937.000	113,7%	99,6%	106,6%
1	Thu cân đối ngân sách	5.370.000	5.370.000	5.380.000	5.055.000	5.487.000	102,2%	102,0%	108,5%
1.1	Thu DNNN TW	175.000	175.000	171.000	170.000	170.000	97,1%	99,4%	100,0%
1.2	Thu DNNN ĐP	90.000	90.000	128.000	112.000	112.000	124,4%	87,5%	100,0%
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	145.000	145.000	120.000	130.000	130.000	89,7%	108,3%	100,0%
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	882.000	882.000	928.000	920.000	920.000	104,3%	99,1%	100,0%
1.5	Thu thuế trước bạ	245.000	245.000	260.000	245.000	245.000	100,0%	94,2%	100,0%
1.6	Thuế SD đất phi NN	12.000	12.000	15.000	15.000	15.000	125,0%	100,0%	100,0%
1.7	Thu tiền thuê đất	130.000	130.000	303.000	130.000	130.000	100,0%	42,9%	100,0%
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	225.000	225.000	248.000	240.000	240.000	106,7%	96,8%	100,0%
1.9	Thu phí, lệ phí	235.000	235.000	290.000	255.000	255.000	108,5%	87,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>28.000</i>	<i>29.000</i>	<i>29.000</i>	<i>82,2%</i>	<i>103,6%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>262.000</i>	<i>226.000</i>	<i>226.000</i>	<i>113,2%</i>	<i>86,3%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với KTKS</i>	<i>43.000</i>	<i>43.000</i>	<i>57.000</i>	<i>58.000</i>	<i>58.000</i>	<i>134,9%</i>	<i>101,8%</i>	<i>100,0%</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	2.600.000	2.270.000	2.048.000	2.480.000	95,4%	109,3%	121,1%
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	315.000	315.000	265.000	465.000	465.000	147,6%	175,5%	100,0%
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>126.000</i>	<i>126.000</i>	<i>106.000</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>189.000</i>	<i>189.000</i>	<i>159.000</i>	<i>279.000</i>	<i>279.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
1.12	Thu khác ngân sách	185.000	185.000	216.000	185.000	185.000	100,0%	85,6%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>77.000</i>	<i>77.000</i>	<i>85.600</i>	<i>75.300</i>	<i>75.300</i>	<i>97,8%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>108.000</i>	<i>108.000</i>	<i>130.400</i>	<i>109.700</i>	<i>109.700</i>	<i>101,6%</i>	<i>84,1%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>14.600</i>	<i>19.700</i>	<i>19.700</i>			
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	52.000	37.400	37.400	101,1%	71,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>13.600</i>	<i>13.600</i>	<i>20.000</i>	<i>16.500</i>	<i>16.500</i>	<i>121,3%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>23.400</i>	<i>23.400</i>	<i>32.000</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>89,3%</i>	<i>65,3%</i>	<i>100,0%</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	23.000	14.000	14.000	100,0%	60,9%	100,0%
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	75.000	75.000	83.000	82.000	82.000	109,3%	98,8%	100,0%
1.16	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	3.000	2.700	2.600	2.600			100,0%
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.000	2.000	5.300	4.000	4.000	200,0%	75,5%	100,0%
2	Thu từ XNK	700.000	700.000	1.582.000	1.450.000	1.450.000	207,1%	91,7%	100,0%
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960						
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.591.329	8.591.329	8.591.329	10.226.145	10.226.145	119,0%	119,0%	100,0%
1	Bổ sung cân đối	4.864.703	4.864.703	4.864.703	4.962.003	4.962.003	102,0%	102,0%	100,0%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.946.675	2.946.675	2.946.675	3.059.830	3.059.830	103,8%	103,8%	100,0%
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	779.951	779.951	779.951	2.204.312	2.204.312			

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
III	Vay lại Chính phủ	241.900	241.900	178.467	346.000	346.000	143,0%	193,9%	100,0%
IV	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		148.021	148.021	12.891	445.700		301,1%	
	PHẦN CHI			688.894	0	0			
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	13.952.409	14.049.090	13.372.623	15.335.586	16.200.395	115,3%	121,1%	105,6%
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV)	10.887.034	12.037.786	11.765.408	12.134.656	14.378.112	119,4%	122,2%	118,5%
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1	Chi xây dựng cơ bản	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1.1	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.225	398.903	443.230	443.230	100,0%		100,0%
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp		22.008	19.807		25.844			
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.600.000	2.382.210	2.143.989	2.048.000	2.343.060	98,4%		114,4%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2022								
1.5	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	75.000	67.500	82.000	82.000			100,0%
1.6	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	158.600	178.467	252.100	252.100	159,0%	141,3%	100,0%
II	Chi thường xuyên	7.393.932	8.647.816	8.647.816	9.069.731	10.877.110	125,8%	125,8%	119,9%
1	Chi SN kinh tế		1.392.835	1.392.835		1.621.352	116,4%	116,4%	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.695.456	3.695.456	3.695.456	4.654.505	4.905.117	132,7%	132,7%	105,4%
3	Chi SN Y tế, dân số và gia đình		624.838	624.838		779.646	124,8%	124,8%	
4	Chi SN Văn hóa-TTDL		87.293	87.293		122.059	139,8%	139,8%	
5	Chi SN khoa học và công nghệ	25.909	31.856	31.856	26.622	34.080	107,0%	107,0%	128,0%
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình		41.569	41.569		55.994	134,7%	134,7%	
7	Chi đảm bảo xã hội		580.244	580.244		813.006	140,1%	140,1%	
8	Chi QLHC-Dân số, Đoàn thể		1.629.023	1.629.023		1.872.905	115,0%	115,0%	
9	Chi ANQP địa phương		248.921	248.921		339.503	136,4%	136,4%	
10	Chi khác ngân sách		52.636	52.636		140.258	266,5%	266,5%	
11	Chi hoạt động môi trường		163.144	163.144		193.190	118,4%	118,4%	
12	Dự phòng hụt thu cân đối		100.000	100.000		0			
13	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		0			0			
III	Chi dự phòng ngân sách	215.277	307.927	307.927	238.595	353.769	114,9%		148,3%
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100,0%	100,0%	100,0%
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960			0			
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	118.700	118.700	118.700	141.100	141.100	118,9%	118,9%	100,0%
E	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.946.675	1.860.644	1.488.515	3.059.830	1.681.183	90,4%	112,9%	54,9%
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.510	1.205.510		1.277.238	1.277.238			
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.086.031			1.378.647				
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG	655.134	655.134		403.945	403.945			

PHỤ LỤC SỐ 03

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CHI NSNN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2025 - 2027

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán năm 2025		Dự kiến 2026	Dự kiến 2027
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
	<u>PHẦN THU</u>							
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	14.903.229	15.083.210	15.879.817	17.077.145	17.954.845	13.908.289	13.985.289
	Trong đó: DP được hưởng	13.952.409	14.049.090	14.061.517	15.335.586	16.200.395	13.003.549	13.158.309
I	<u>Thu tại địa bàn (I+2)</u>	6.070.000	6.101.960	6.962.000	6.505.000	6.937.000	5.575.000	5.652.000
1	<u>Thu cân đối ngân sách</u>	5.370.000	5.370.000	5.380.000	5.055.000	5.487.000	4.985.000	5.152.000
1.1	Thu từ khu vực DNNN Trung ương	175.000	175.000	171.000	170.000	170.000	178.000	186.000
1.2	Thu từ khu vực DNNN Địa phương	90.000	90.000	128.000	112.000	112.000	114.000	119.000
1.3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	145.000	145.000	120.000	130.000	130.000	55.000	59.000
1.4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	882.000	882.000	928.000	920.000	920.000	984.000	1.052.000
1.5	Thu thuế trước bạ	245.000	245.000	260.000	245.000	245.000	260.000	276.000
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	12.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
1.7	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	130.000	130.000	303.000	130.000	130.000	110.000	110.000
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	225.000	225.000	248.000	240.000	240.000	248.000	265.000
1.9	Thu phí, lệ phí	235.000	235.000	290.000	255.000	255.000	256.000	262.000
	- Trung ương	35.300	35.300	28.000	29.000	29.000	35.840	36.680
	- Địa phương	199.700	199.700	262.000	226.000	226.000	220.160	225.320
	T.đó: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	43.000	43.000	57.000	58.000	58.000	53.550	56.228
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	2.600.000	2.270.000	2.048.000	2.480.000	2.000.000	2.000.000
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	315.000	315.000	265.000	465.000	465.000	441.000	472.000
	+ Số thu NSTW hưởng	126.000	126.000	106.000	186.000	186.000	176.400	188.800
	+ Số thu phân chia NSTW và NSDP	189.000	189.000	159.000	279.000	279.000	264.600	283.200
1.12	Thu khác ngân sách	185.000	185.000	216.000	185.000	185.000	187.000	195.000
	Bao gồm: - Trung ương	77.000	77.000	85.600	75.300	75.300	85.000	83.000
	- Địa phương	108.000	108.000	130.400	109.700	109.700	102.000	112.000
	Tr.đó: Thu xử phạt ATGT	20.900	20.900	14.600	19.700	19.700	28.000	30.000
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	52.000	37.400	37.400	34.300	36.300
	- Thu từ các mỏ do TW cấp	13.600	13.600	20.000	16.500	16.500	17.500	18.500
	- Thu từ các mỏ do DP cấp	23.400	23.400	32.000	20.900	20.900	16.800	17.800
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	23.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	75.000	75.000	83.000	82.000	82.000	84.000	86.000
1.16	Thu tiền sử dụng khu vực biển			2.700	2.600	2.600	2.700	2.700
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.000	2.000	5.300	4.000	4.000	2.000	2.000
2	<u>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</u>	700.000	700.000	1.582.000	1.450.000	1.450.000	590.000	500.000
II	<u>Thu vay Chính phủ</u>	241.900	241.900	178.467	346.000	346.000	0	0
III	<u>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	8.591.329	8.591.329	8.591.329	10.226.145	10.226.145	8.333.289	8.333.289
1	Bổ sung cân đối	4.864.703	4.864.703	4.864.703	4.962.003	4.962.003	8.333.289	8.333.289
2	Bổ sung theo mục tiêu	2.946.675	2.946.675	2.946.675	3.059.830	3.059.830		0
3	Bổ sung C. trình MTQG	505.978	505.978	505.978	403.945	403.945		0
4	Bổ sung làm lương	0	0	688.894	2.204.312	2.204.312		0
	<u>PHẦN CHI</u>						0	80
A	<u>Tổng chi NSDP (I+II)</u>	13.952.409	14.049.090	13.372.623	15.335.586	16.200.395	13.003.549	13.158.229
1	<u>Chi cân đối NSDP (1+2+3+4+5+6)</u>	10.887.034	12.037.786	11.765.408	12.134.656	14.378.112	12.909.385	13.049.434
1	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	2.258.910	2.246.279

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán năm 2025		Dự kiến 2026	Dự kiến 2027
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương		
	<u>Chi đầu tư xây dựng cơ bản</u>	<u>3.276.825</u>	<u>3.081.043</u>	<u>2.808.665</u>	<u>2.825.330</u>	<u>3.146.234</u>	<u>2.258.910</u>	<u>2.246.279</u>
1.1	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.225	398.903	443.230	443.230	443.230	443.230
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp	0	22.008	19.807	0	25.844	25.844	25.844
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.600.000	2.382.210	2.143.989	2.048.000	2.343.060	1.705.836	1.691.205
1.4	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	75.000	67.500	82.000	82.000	84.000	86.000
1.5	Chi từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	158.600	178.467	252.100	252.100		
2	Hỗ trợ doanh nghiệp						0	0
2	<u>Chi thường xuyên</u>	<u>7.393.932</u>	<u>8.647.816</u>	<u>8.647.816</u>	<u>9.069.731</u>	<u>10.877.110</u>	<u>10.391.388</u>	<u>10.541.974</u>
2.1	Chi các hoạt động kinh tế	0	1.392.835	1.392.835	0	1.621.352	1.337.429	1.486.515
2.2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.695.456	3.695.456	3.695.456	4.654.505	4.905.117	4.710.777	4.800.139
2.3	Chi y tế, dân số và gia đình	0	624.838	624.838	0	779.646	779.646	540.000
2.4	Chi văn hóa thông tin, thể dục, thể thao	0	87.293	87.293	0	122.059	122.059	98.000
2.5	Chi khoa học và công nghệ	25.909	31.856	31.856	26.622	34.080	26.622	26.622
2.6	Chi phát thanh, truyền hình	0	41.569	41.569	0	55.994	55.994	61.593
2.7	Chi bảo đảm xã hội	0	580.244	580.244	0	813.006	813.006	913.851
2.8	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	0	1.629.023	1.629.023	0	1.872.905	1.872.905	1.882.269
2.9	Chi quốc phòng, an ninh	0	248.921	248.921	0	339.503	339.503	375.151
2.10	Chi sự nghiệp khác	0	52.636	52.636	0	140.258	140.258	154.985
2.11	Chi bảo vệ môi trường	0	163.144	163.144	0	193.190	193.190	202.849
2.12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm	0	0	0	0	0		
3	<u>Dự phòng ngân sách</u>	<u>215.277</u>	<u>307.927</u>	<u>307.927</u>	<u>238.595</u>	<u>353.769</u>	<u>258.087</u>	<u>260.181</u>
4	<u>Chi bổ sung quỹ DTTC</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>	<u>1.000</u>
5	<u>Chi trả nợ gốc và lãi vay</u>	<u>118.700</u>	<u>118.700</u>	<u>118.700</u>	<u>141.100</u>	<u>141.100</u>	<u>94.164</u>	<u>108.795</u>
II	<u>Chi vốn chương trình mục tiêu</u>	<u>2.946.675</u>	<u>1.860.644</u>	<u>1.488.515</u>	<u>3.059.830</u>	<u>1.681.183</u>		<u>0</u>
III	<u>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</u>							

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Quảng

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Nội dung	Năm 2024		Dự kiến năm 2025	So sánh năm 2025 so	Dự kiến năm 2026	Dự kiến năm 2027
		Dự toán	Ước thực hiện				
A	B	1	2	3	4=3/2	5	6
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP	1.023.836	1.023.836	950.110	0,93	934.562	965.574
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	158.600	158.600	252.100		80.299	228.350
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
I	Tổng dư nợ đầu năm	639.929	639.929	790.420	1,24	948.921	854.263
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)						
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	529.040	529.040	698.574		876.118	800.503
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	110.889	110.889	91.846		72.803	53.760
II	Trả nợ gốc vay trong năm	102.343	102.343	93.599	0,91	94.659	117.038
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	102.343	102.343	93.599	0,91	94.659	117.038
	- Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	83.300	83.300	74.556		75.616	97.995
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	19.043	19.043	19.043		19.043	19.043
2	Nguồn trả nợ	102.343	102.343	93.599	0	94.659	117.038
	- Từ nguồn vay	19.043	19.043	19.043		19.043	19.043
	- Bội thu ngân sách địa phương						
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	83.300	83.300	74.556		75.616	97.995
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh						
III	Tổng mức vay trong năm	252.834	252.834	252.100	1,00	0	0
1	Theo mục đích vay	0	0	0			
	- Vay bù đắp bội chi	0	0	0			
	- Vay trả nợ gốc	0	0	0			
2	Theo nguồn vay	252.834	252.834	252.100	0	0	0
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	252.834	252.834	252.100			
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
IV	Tổng dư nợ cuối năm	790.420	790.420	948.921	1,20	854.263	737.224
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	65	79	79			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	698.574	698.574	876.118	0	800.503	702.507
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	91.846	91.846	72.803		53.760	34.717
D	Trả nợ lãi, phí	35.400	35.400	56.233		38.238	38.149